

Bản án số: 05/2020/DS-ST

Ngày: 27-02-2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Thu Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hữu Trọng.

Bà Nguyễn Thị Luận.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Hương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa:
Bà Triệu Thị Hồng - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 103/2019/TLST-DS ngày 30/12/2019 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐST - DS ngày 04/02/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/QĐST- DS ngày 19/02/2020 giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng A; Trụ sở chính: phường X, quận H, Tp. Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Hùng A – Chủ tịch Hội đồng quản trị; Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị N - Giám đốc xử lý nợ; Bà N ủy quyền lại cho ông Nguyễn Hữu T, bà Hoàng Thị Minh P, bà Trịnh Thị Mai H – Cán bộ xử lý nợ (Có mặt ông Nguyễn Hữu T).

2.Bị đơn: Bà **Đào Thị B**, sinh năm 1964 và ông **Nguyễn Duy Q**, sinh năm 1962; HKTT và nơi cư trú: Thôn X, xã Đ, huyện C, Thành phố Hà Nội (*Vắng mặt*).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1985 ; Anh **Nguyễn Duy H**, sinh năm 1987;
Chị **Phùng Thúy Q**, sinh năm 1992 (vợ anh H); Đều có HKTT và nơi cư trú: Thôn
X, xã Đông P, huyện C, Thành phố Hà Nội (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại phiên tòa nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền lại của Nguyên đơn trình bày:

Ngày 14/04/2011, A và bà Đào Thị B, ông Nguyễn Duy Q đã ký Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: 47338/HĐTD/TH-TN/TCB-HQV-DCN; Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số 47338 ngày 18/04/2011, phụ lục trả nợ với nội dung cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 2.400.000.000 VNĐ (Hai tỷ bốn trăm triệu đồng chẵn);
- Mục đích vay: Vay tiêu dùng;
- Thời hạn vay: 180 tháng;
- Ngày đến hạn trả nợ cuối cùng: 18/04/2026;
- Kế hoạch trả nợ gốc: Trả nợ nhiều lần trong vòng 180 kỳ, 1 tháng/ 1 kỳ vào ngày 18 hàng tháng, mỗi lần trả 13.334.000đ lần trả đầu tiên là ngày 18/5/2011.
- Lãi suất vay: Lãi suất linh hoạt như sau:

a) Lãi suất vay áp dụng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên cho đến ngày 30/9/2011 là: 22%/năm đối với các khoản vay bằng VNĐ của Bên nhận nợ;

b) Lãi suất áp dụng đối với các khoản vay của Bên nhận nợ cho thời gian tiếp theo: Đối với các khoản vay của Bên nhận nợ bằng VND: Lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/1 lần vào các ngày 02/1, 01/4, 01/7, 01/10 hàng năm và bằng Lãi suất huy động tiết kiệm thường 12 tháng loại trả sau của A tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 7,5%/năm, nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu được quy định bởi Ngân hàng tại từng thời kỳ theo từng đối tượng khách hàng, tương ứng thời điểm thay đổi lãi suất.

Tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ tín dụng của bà Đào Thị B, ông Nguyễn Duy Q tại A bao gồm những tài sản sau:

Vợ chồng ông Nguyễn Duy Q thế chấp: *Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 202, tờ bản đồ số 01, mục đích sử dụng: Đất ở, diện tích 334 m² (Ba trăm ba mươi bốn mét vuông), thời hạn sử dụng: lâu dài, tại Thôn đồi 1, xã Đông Phương Yên, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà*

Nội); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 402070, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00072 QSDĐ/443QĐ/UB, do UBND huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội cấp ngày 28/12/2001; Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 752.2011/HĐTC ngày 14/04/2011 tại Văn phòng công chứng A1, thành phố Hà Nội.

Tài sản trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện Chương Mỹ ngày 18/04/2011.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Đào Thị B, ông Nguyễn Duy Q đã trả Ngân hàng số tiền gốc đã trả **120.006.000đồng**, lãi đã trả **391.097.394đồng**. Từ ngày 18/5/2011 vợ chồng ông Quang, bà B không thực hiện trả nợ theo như cam kết trong Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn; Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ nên khoản vay đã chuyển quá hạn.

Tại Đơn khởi kiện và tại phiên tòa A đề nghị giải quyết :

1. Buộc bà Đào Thị B, ông Nguyễn Duy Q thanh toán cho A số tiền: **7.923.831.188** đồng, bao gồm **2.279.994.000** đồng nợ gốc và **5.643.837.188** đồng nợ lãi (*tạm tính đến ngày 16/07/2019*) và các khoản nợ lãi, tiền phạt phát sinh theo lãi suất quá hạn, lãi phạt thỏa thuận Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: 47338/HĐTD/TH-TN/TCB-HQV-DCN ngày 14/04/2011 kể từ ngày 17/07/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Tại đơn khởi kiện A đề nghị giải quyết buộc bà Đào Thị B, ông Nguyễn Duy Q phải chịu số tiền phạt vi phạm hợp đồng là 1% giá trị hợp đồng: $1\% \times 2.400.000.000 \text{ đồng} = 24.000.000 \text{ đồng}$ và lãi phạt phát sinh.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà bà Đào Thị B, ông Nguyễn Duy Q không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án hoặc Văn phòng thừa phát lại tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

4. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bà Đào Thị B, ông Nguyễn Duy Q đối với Ngân hàng. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà Đào Thị B, ông Nguyễn Duy Q vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Ngân hàng A có Đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, đề nghị:

- Rút yêu cầu buộc bà Đào Thị B, ông Nguyễn Duy Q phải chịu số tiền phạt vi phạm hợp đồng là 24.000.000 đồng.

- Rút yêu cầu buộc bà Đào Thị B, ông Nguyễn Duy Q phải thanh toán cho A tiền lãi phạt: **2.739.055.054** đồng (tạm tính đến ngày 27/2/2020) và toàn bộ lãi phạt phát sinh kể từ ngày 28/2/2020 cho đến khi vợ chồng bà B thanh toán xong khoản nợ.

2. Tại bản tự khai bà Đào Thị B trình bày:

Bà Đào Thị B xác nhận vợ chồng bà đã ký kết Hợp đồng tín dụng năm 2011 với Ngân hàng A như Ngân hàng khởi kiện và trình bày là đúng.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay: *Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 202, tờ bản đồ số 01, mục đích sử dụng: Đất ở, diện tích 334 m² (Ba trăm ba mươi bốn mét vuông), thời hạn sử dụng: lâu dài, tại Thôn đồi 1, xã Đông Phương Yên, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 402070, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00072 QSDĐ/443QĐ/UB, do UBND huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội cấp ngày 28/12/2001. Vợ chồng bà và các con đã ký kết Hợp đồng thế chấp.*

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông bà đã trả Ngân hàng số tiền gốc đã trả 120.006.000đồng, lãi đã trả 391.097.394đồng.

Bà B xác nhận còn nợ Ngân hàng nợ gốc **2.279.994.000 đồng**, và lãi như ngân hàng khởi kiện.

Nay Ngân hàng A khởi kiện, gia đình bà sẽ có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng và sẽ hợp tác với Ngân hàng để giải quyết khoản nợ theo quy định pháp luật, đề nghị Ngân hàng cho trả nợ dần vào gốc và miễn toàn bộ phần lãi.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị N (con ông Q, bà B); Anh Nguyễn Duy H (con ông Q, bà B); Chị Phùng Thúy Q là những người đang sinh sống trên thửa đất thế chấp, Tòa án đã giao giấy triệu tập và các văn bản tố tụng triệu tập đến Tòa nhưng không đến vì vậy Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa A giữ nguyên yêu cầu bà Đào Thị B, ông Nguyễn Duy Q phải trả Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày 27/2/2020 số tiền Trong đó gốc:

2.279.994.000 đồng; lãi quá hạn từ ngày 18/5/2011 đến ngày 27/2/2020: **1.324.382.821đồng** tổng cộng là: **5.806.865.677** đồng.

Buộc bà Đào Thị B, ông Nguyễn Duy Q phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi kể từ ngày **28/2/2020** đối với số tiền nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong Hợp đồng tín dụng nói trên.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Chương Mỹ quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP kỹ thương Việt Nam (A), buộc bà Đào Thị B, ông Nguyễn Duy Q phải thanh toán trả Ngân hàng (A) Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: 47338/HĐTD/TH-TN/TCB-HQV-DCN ngày 14/4/2011, Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số 47338 ngày 18/04/2011 số tiền còn nợ tính đến ngày 27/2/2020 là **5.806.865.677** đồng, trong đó nợ gốc: **2.279.994.000** đồng; lãi trong hạn: **2.202.488.856** đồng; lãi quá hạn: **1.324.382.821đồng** và tiếp tục chịu lãi theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Trường hợp bà B, ông Quang không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Án phí bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

[1.1]. **Về thẩm quyền:** Bị đơn bà Đào Thị B, ông Nguyễn Duy Q đang cư trú tại , xã Đông P, huyện C, Thành phố Hà Nội vì vậy Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật, luật áp dụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu trả nợ vay theo Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản Tòa án xác định đây là: *Tranh chấp hợp*

đồng tín dụng và xử lý tài sản bảo đảm., theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Thời điểm giao kết Hợp đồng tín dụng là ngày 14/4/2011, nên cần phải áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 để giải quyết tranh chấp.

[1.3]. Về sự vắng mặt của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Toà án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai vẫn cố tình vắng mặt vì vậy Toà án xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy.

[2.1]. Xét việc Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Ngân hàng A có Đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, đề nghị:

- Rút yêu cầu buộc bà Đào Thị B, ông Nguyễn Duy Q phải chịu số tiền phạt vi phạm hợp đồng là 24.000.000 đồng.

- Rút yêu cầu buộc bà Đào Thị B, ông Nguyễn Duy Q phải thanh toán cho A tiền lãi phạt tạm tính đến ngày 27/2/2020 là 2.739.055.054 đồng và toàn bộ lãi phạt phát sinh kể từ ngày 28/2/2020 cho đến khi ông Q, bà B thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là tự nguyện nên Tòa án đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu đã rút của Ngân hàng A.

[2.2]. Xét tính pháp lý của Hợp đồng tín dụng.

Ngày 14/04/2011, A và bà Đào Thị B, ông Nguyễn Duy Q đã ký Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: 47338/HĐTD/TH-TN/TCB-HQV-DCN; Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số 47338 ngày 18/04/2011, phụ lục trả nợ với số tiền vay: 2.400.000.000 VNĐ (Hai tỷ bốn trăm triệu đồng chẵn);

Theo đó, A đã giải ngân theo quy định tại Hợp đồng tín dụng, các khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ. Vợ chồng bà B xác nhận đã được nhận tiền vay theo đúng hợp đồng tín dụng, Giấy nhận nợ hai bên đã ký kết.

Hợp đồng tín dụng trên được các bên cùng xác nhận ký kết trên cơ sở tự nguyện, có hình thức và nội dung phù hợp với các Điều 290, 343, 474 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng. Các bên tự nguyện giao kết thực hiện hợp đồng và cam kết chịu trách nhiệm về nội dung hợp đồng, tại thời điểm công chứng các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên có hiệu lực thi hành.

Theo nội dung cam kết trả nợ 2 bên đã ký kết: Kế hoạch trả nợ gốc là trả nợ nhiều lần trong vòng 180 kỳ, 1 tháng/ 1 kỳ vào ngày 18 hàng tháng, mỗi lần trả 13.334.000đ lần trả đầu tiên là ngày 18/5/2011.

Tuy nhiên ngay từ thời điểm ngày 18/5/2011 đến nay hàng tháng vợ chồng bà B không thực hiện trả nợ gốc lãi hàng tháng theo thỏa thuận tại Điều 6 Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: 47338/HĐTD/TH-TN/TCB-HQV-DCN; Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số 47338 ngày 18/04/2011, phụ lục trả nợ vi phạm thỏa thuận cam kết.

Trong thời hạn thực hiện hợp đồng vợ chồng bà B vi phạm nghĩa vụ không trả được nợ gốc cũng như nợ lãi theo kỳ được quy định Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Vì vậy A có quyền thu hồi nợ trước hạn theo điểm 13.2 Điều 13 Hợp đồng số 47338/HĐTD/TH-TN/TCB-HQV-DCN và quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Đây là căn cứ pháp lý buộc bên vay là bà B, ông Q phải có nghĩa vụ trả Ngân hàng (A) số tiền còn nợ Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: 47338/HĐTD/TH-TN/TCB-HQV-DCN ngày 14/4/2011, Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số 47338 ngày 18/04/2011.

Tính đến ngày 27/2/2020 bà B, ông Quang còn nợ Ngân hàng tổng số Trong đó gốc: **2.279.994.000** đồng; lãi trong hạn: **2.202.488.856** đồng; lãi quá hạn: **1.324.382.821** đồng tổng cộng là: **5.806.865.677** đồng.

Bà B, ông Quang có trách nhiệm thanh toán số nợ trên cho Ngân hàng.

Bà Đào Thị B, ông Nguyễn Duy Q phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi kể từ ngày **28/2/2020** đối với tiền nợ gốc cho đến khi thanh toán xong hợp đồng tín dụng, theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

[2.3]. Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của Hợp đồng tín dụng:

Để đảm bảo thực hiện khoản vay bên thế chấp là vợ chồng bà B đã dùng tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 202, tờ bản đồ số 01, mục đích sử dụng: Đất ở, diện tích 334 m² (Ba trăm ba mươi bốn mét

vuông), thời hạn sử dụng: lâu dài, tại Thôn đôi 1, xã Đông Phương Yên, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 402070, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00072 QSDĐ/443QĐ/UB, do UBND huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội cấp ngày 28/12/2001 cho hộ ông Nguyễn Duy Q. Tài sản bảo đảm đã được lập Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 752.2011/HĐTC ngày 14/04/2011 tại Văn phòng công chứng A1, thành phố Hà Nội. Đăng ký thế chấp ngày 18/4/2011 tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện Chương Mỹ.

Theo **Điều 5.2** Hợp đồng thế chấp quy định xử lý tài sản thế chấp

“ Đến hạn trả nợ bên được bảo đảm không trả được nợ...A”..

Tòa án đã tiến hành thẩm định tài sản thế chấp tại thời điểm chuẩn bị xét xử, và thời điểm thế chấp hiện trạng đất không có thay đổi giữ nguyên theo đúng hợp đồng thế chấp.

Từ những nhận định trên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của A, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ:

Buộc Buộc vợ chồng bà Đào Thị B, ông Nguyễn Duy Q phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng (A) số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: 47338/HĐTD/TH-TN/TCB-HQV-DCN ngày 14/4/2011, Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số 47338 ngày 18/04/2011 gồm nợ gốc: **2.279.994.000** đồng; nợ lãi trong hạn: **2.202.488.856** đồng; nợ lãi quá hạn: **1.324.382.821** đồng tổng cộng là: **5.806.865.677** đồng và phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi kể từ ngày **28/2/2020** đối với số tiền nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp bà Đào Thị B, ông Nguyễn Duy Q trả xong khoản nợ trên cho (A) thì Ngân hàng (A) sẽ làm thủ tục giải chấp tài sản thế chấp. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bà Đào Thị B, ông Nguyễn Duy Q đối với Ngân hàng. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà Đào Thị B, ông Nguyễn Duy Q vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

3 .Về nghĩa vụ chịu án phí:

- Bị đơn bà B, ông Quang phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho Ngân hàng (A)

- Hoàn trả Ngân hàng (A) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điều 290, 343, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 167, 168 Luật Đất đai năm 2013; Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 317, 318, khoản 6 Điều 320, 321, 322, Điều 351, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Nghị định 163/NĐ-CP ngày 29/12/2006, Nghị định 11/NĐ-CP ngày 22/2/2012.

- Căn cứ: khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 5, Điều 7 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng (A).

- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng (A) về việc buộc bà Đào Thị B, ông Nguyễn Duy Q phải chịu số tiền phạt vi phạm hợp đồng là 24.000.000 đồng.

Đình chỉ 1 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc Ngân hàng A tự nguyện rút 1 phần yêu cầu đối với lãi phạt số tiền 2.739.055.054 đồng và toàn bộ lãi phạt phát sinh kể từ ngày 28/2/2020 cho đến khi ông Quang, bà B thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. *kể từ ngày 28/2/2020 không tính lại phạt và lãi phạt phát sinh trên số dư nợ.*

- Buộc vợ chồng bà Đào Thị B, ông Nguyễn Duy Q phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP kỹ thương Việt Nam (A) số tiền còn nợ tính đến ngày 27/2/2010 gồm nợ gốc: **2.279.994.000** đồng; nợ lãi trong hạn: **2.202.488.856** đồng; nợ lãi quá hạn: **1.324.382.821** đồng tổng cộng là: **5.806.865.677** đồng theo Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: 47338/HĐTD/TH-TN/TCB-HQV-DCN ngày 14/4/2011, Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số 47338 ngày 18/04/2011.

- *Về nghĩa vụ tiếp tục chịu lãi:* Bà Đào Thị B, ông Nguyễn Duy Q phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi kể từ ngày **28/2/2020** đối với số tiền nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: 47338/HĐTD/TH-TN/TCB-HQV-DCN ngày 14/4/2011, Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số 47338 ngày 18/04/2011 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ (*Kể từ ngày 28/2/2020 không tính lại phạt và lãi phạt phát sinh trên số dư nợ*).

Trường hợp bà Đào Thị B, ông Nguyễn Duy Q trả xong khoản nợ trên cho (A) thì Ngân hàng (A) sẽ làm thủ tục giải chấp tài sản thế chấp.

- *Về xử lý tài sản thế chấp:* Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày ngân hàng A, trường hợp bà Đào Thị B, ông Nguyễn Duy Q không trả nợ hoặc thực hiện không đầy đủ việc trả nợ thì Ngân hàng TMCP kỹ thương Việt Nam (A) có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ là: *Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 202, tờ bản đồ số 01, mục đích sử dụng: Đất ở, diện tích 334 m² (Ba trăm ba mươi bốn mét vuông), thời hạn sử dụng: lâu dài, tại Thôn đôi 1, xã Đông Phương Yên, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 402070, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00072 QSDĐ/443QĐ/UB, do UBND huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội cấp ngày 28/12/2001 cho hộ ông Nguyễn Duy Q. Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 752.2011/HĐTC ngày 14/04/2011 tại Văn phòng công chứng A1, thành phố Hà Nội. Đăng ký thế chấp ngày 18/4/2011 tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện Chương Mỹ.*

3. Án phí: Bà Đào Thị B, ông Nguyễn Duy Q phải nộp **113.806,866 đồng** án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng (A) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.000.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0004490 ngày 27/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt người đại diện của nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP Hà Nội.
- VKSND huyện Chương Mỹ
- Chi Cục THA dân sự huyện
Chương Mỹ;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án.
- Lưu VP, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vũ Thị Thu Thủy